

Bản án số: **180** /2017/HSST

Ngày: 24-8-2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Văn Trường.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thanh Xuân.  
Ông Nguyễn Văn Lân.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hữu Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2017/HSST-QĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 đối với:

- *Bị cáo:* Lê Minh T, giới tính: Nam, sinh ngày 06-4-1984 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ 8, cụm 6 (nay là tổ dân phố số 6), thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: nguyên làm nghề xây dựng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức A, sinh năm 1937 và bà Đoàn Thị B, sinh năm 1951; có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1984, có hai người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; Bị bắt truy nã, tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 26-5-2017 đến nay; có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Lê Hoàng Hương D, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 6/68 đường Y, phường T, thành phố H, Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Hàm Đ, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 1A đường Trần H, thành phố Q, Bình Định; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Kim E, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 43 đường Hồ Đ, phường A, thành phố H, Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Tân G, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 56B đường Xuân D, phường T, thành phố H, Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

Bị cáo Lê Minh T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Minh T với chị Lê Hoàng Hương D có mối quan hệ thân quen với nhau. Ngày 18-4-2015, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị D đem cầm cố, lấy tiền sử dụng cá nhân, T dùng điện thoại di động gọi cho chị D giả vờ nói: “Cho anh mượn chiếc xe để đi giải quyết công việc”; tưởng thật, chị D đồng ý cho T mượn xe mô tô hiệu Piaggio biển số 75K8-8668 của mình và nói Tấn đến nhà tại số 1/10 đường Bến N, phường P, thành phố H lấy xe. Ngay sau đó, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Hàm Đ là nhân viên của T nói: “Em đến nhà chị D lấy chiếc xe máy của chị D đưa về tiệm cầm đồ Thanh T ở đường Hồ Đ cầm cho anh 25 triệu rồi đưa tiền về cho anh”; Đ đồng ý và đến gặp chị D lấy chiếc xe máy nêu trên. T tiếp tục gọi điện thoại cho chị Lê Thị Kim E là chủ tiệm cầm đồ Thanh T để thỏa thuận việc cầm xe 75K8-8668 và được chị E đồng ý. Sau khi lấy xe từ chị D, Đ điều khiển xe đến giao cho chị E rồi nhận số tiền 25.000.000 đồng mang về giao hết cho T. Một thời gian sau, chị D biết được T đem xe mô tô của mình đi cầm, nhiều lần yêu cầu T trả lại xe nhưng T không thực hiện. Đến ngày 19-5-2015, chị D làm đơn trình báo đến Công an thành phố H.

Ngoài ra, cũng trong năm 2015, T có mượn của chị D một chiếc điện thoại hiệu Iphone 6, sau đó mang đến cầm cố cho chị Lê Thị Kim E lấy số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, chị D xác định chiếc điện thoại này là do Tấn tặng nên không yêu cầu xem xét xử lý.

Quá trình điều tra, đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Piaggio Vespa màu trắng, biển kiểm soát 75K8-8668, số máy M445M-510316, số khung 440000014939;
- 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 004776, tên chủ xe Lê Hoàng Hương D, biển kiểm soát 75K8-8668;
- 01 Thẻ Sinh viên mang tên Nguyễn Hàm Đ;
- 01 Giấy mượn tiền ghi ngày 18-4-2015 có nội dung: Nguyễn Hàm Đ mượn của chị Lê Thị Kim E số tiền 25.000.000 đồng, có để lại xe mô tô 75K8-8668 làm thế chấp;
- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu xám bạc;
- 04 ảnh, kích thước 4x6 cm;
- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen;
- 01 máy Ipad hiệu Mobell, màu vàng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 107/KL-HĐĐG ngày 14-3-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế kết luận: Giá trị xe mô tô hiệu Piaggio Vespa màu sơn trắng, biển số 75K8-8668 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 40.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Piaggio Vespa biển kiểm soát 75K8-8668, Giấy đăng ký mô tô, xe máy cho chị Lê Hoàng Hương D. Chị D đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Trả lại cho Nguyễn Hàm Đ 01 Thẻ sinh viên.

Trả lại cho Lê Minh T 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 01 máy Ipad hiệu Mobell.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền Lê Minh T nhận khi cầm xe mô tô Piaggio Vespa biển kiểm soát 75K8-8668 và điện thoại di động hiệu Iphone 6 cho chị Lê Thị Kim E là 37.000.000 đồng. Ngày 14-7-2015, T đã trả cho chị E 10.000.000 đồng; còn lại 27.000.000 đồng, chị E không yêu cầu giải quyết.

Bản cáo trạng số: 166/QĐ-KSĐT ngày 26-7-2017 của Viện kiểm nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù. Về dân sự đề nghị ghi nhận thoả thuận bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe bị hư hỏng cho chị D là 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố; không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá.

Tại phiên tòa, bị cáo và chị D thoả thuận bị cáo bồi thường số tiền chi phí sửa chữa hư hỏng xe mô tô 75K8-8668 cho chị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hàm Đ, chị Nguyễn Thị Kim E vắng mặt; quá trình điều tra, chị E xác nhận có nhận cầm xe và điện thoại Iphone 6 cho bị cáo tổng số tiền 37.000.000 đồng, đã nhận lại 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 18-4-2015, do có mục đích chiếm đoạt tài sản, Lê Minh T đã giả vờ hỏi mượn xe Piaggio Vespa 75K8-8668 của chị Lê Hoàng Hương D để đi giải quyết công việc. Chị D tưởng thật nên đồng ý cho mượn xe; T đã nhờ

Nguyễn Hàm Đ đến lấy và đem xe đến cầm cho chị Lê Thị Kim E lấy số tiền 25.000.000 đồng dùng vào việc cá nhân. Giá trị xe mô tô Piaggio Vespa là 40.000.000 đồng. Như vậy, hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Lê Minh T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có việc làm nhưng với động cơ tham lam, lối sống hưởng thụ, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không cần bỏ ra nhiều công sức lao động nên đã thực hành cách thức gian dối giả vờ mượn sử dụng rồi chiếm đoạt xe máy của chị D rồi cầm cố lấy tiền sử dụng cá nhân mà không được chị D đồng ý. Sau khi chiếm đoạt được tài sản đã đi khỏi nơi cư trú, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn.

Tuy nhiên, việc bị cáo chiếm đoạt được xe của chị D xuất phát quan hệ thân thiết, sự cả tin của chị D, trước đó đã cho bị cáo mượn xe nhiều lần làm cho bị cáo dễ dàng thực hiện hành vi, đạt được mục đích; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Về tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ: Bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại cho chị E số tiền cầm cố xe 10.000.000 đồng; tại phiên tòa, chấp nhận bồi thường thêm cho chị D số tiền 5.000.000 đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có bố đẻ là ông Lê Đức A được hưởng chính sách như thương binh. Theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng thì ông A là người có công với cách mạng. Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 không quy định nhưng tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định là tình tiết giảm nhẹ, điều này có lợi cho người phạm tội nên căn cứ Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29-6-2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 xem xét là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo có mẹ đẻ là người bị khuyết tật nặng nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Lê Hoàng Hương D đã nhận lại xe mô tô 75K8-8668 bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo với chị D tự nguyện thỏa thuận việc bị cáo bồi thường số tiền chi phí sửa chữa hư hỏng xe 75K8-8668 là 5.000.000 đồng nên ghi nhận.

Chị Lê Thị Kim E khi nhận cầm xe mô tô cho bị cáo thì không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở. Theo Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm, xe mô tô đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên chị E có quyền yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã nhận; hiện tại, bị cáo đã hoàn trả lại cho chị E 10.000.000 đồng; chị E không yêu cầu giải quyết số tiền còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô 75K8-8668 và Giấy đăng ký xe cho chị Lê Hoàng Hương D là đúng quy định.

Trả lại 01 Thẻ sinh viên cho anh Nguyễn Hàm Đ và trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, 01 máy Ipad hiệu Mobell do không liên quan đến hành vi phạm tội là đúng quy định.

Giấy mượn tiền ngày 18-4-2015 là vật mang dấu vết tội phạm cần lưu vào hồ sơ vụ án; chị E có quyền đề nghị nhận lại bản sao Giấy mượn tiền.

04 ảnh 4x6 cm của Lê Minh T do chị Lê Hoàng Hương D cung cấp để phục vụ công tác điều tra, nay cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng x 5% = 250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29-6-2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Minh T: 10 (mười) tháng tù; thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26-5-2017.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự,

Ghi nhận thỏa thuận bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí sửa chữa hư hỏng xe mô tô 75K8-8668 cho người bị hại là chị Lê Hoàng Hương D.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án Giấy mượn tiền ngày 18-4-2015, 04 ảnh 4 x 6 cm của Lê Minh T.

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Lê Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng); tổng cộng 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với các trường hợp thi hành án theo yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt, kể từ ngày được thông đạt bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CA thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Bị cáo, NBH, NCQLNVLQ;
- Lưu: HSPA, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Trần Văn Trường**